

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Ông Nông Văn Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Ngọc T, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: Xóm M, xã P1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Lại Ngọc D, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Ngọc T trình bày:* Chị kết hôn với anh Lại Ngọc D trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, ngày 18/8/2016 được Ủy ban nhân dân xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm Nhất Trí, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm không hợp nhau, sự bất đồng về vấn đề kinh tế, trách nhiệm của vợ chồng trong việc chăm sóc con cái, năm 2018 anh D có báo với gia đình là chơi lô đề, vay lãi rất nhiều, không có khả năng chi

trả. Anh D đã xin nghỉ việc bỏ đi làm ăn xa không về, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Việc anh D, không quan tâm chăm sóc cuộc sống gia đình, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, làm cho cuộc sống của chị gặp nhiều khó khăn. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D nữa, việc duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh D không đem lại hạnh phúc cho cả hai, do vậy chị xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lại Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/3/2017 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Lại Ngọc D:* Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2020 và ngày 08/12/2020 tại Công an xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên thể hiện: Anh Lại Ngọc D có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Xóm Cây Cài, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Anh D chưa chuyển khẩu đi đâu nhưng hiện nay, anh D không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, địa phương không có tin tức gì của anh D.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2020, ông Lại Ngọc D1 là bố đẻ anh D cho biết: Quá trình kết hôn và điều kiện kết hôn giữa chị T và anh D là đúng nhưng về mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị thì gia đình không nắm được. Cuối năm 2018, anh D có nói với bố mẹ là đi làm ăn xa nhưng không nói làm gì, ở đâu; từ lúc đó đến nay, anh D chưa về thăm nhà lần nào và cũng không liên lạc với gia đình. Ông không có thông tin về địa chỉ cư trú mới của anh D nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D, ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T, để cháu nội của ông là con chung giữa chị T và anh D cho chị T nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D vẫn không đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Ngọc T, cho chị T được ly hôn anh Lại Ngọc D.

Về con chung: Giao cháu Lại Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/3/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D do chị T không yêu cầu. Anh Lại Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Đinh Ngọc T với bị đơn là anh Lại Ngọc D trú tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định nhưng anh Lại Ngọc D vẫn không đến Tòa án để làm việc. Gia đình anh D xác định anh D đi làm ăn xa, không cho người thân biết địa chỉ nơi ở, làm việc và phương thức liên lạc. Như vậy, bị đơn trong vụ án này thuộc trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng do có tính giấu địa chỉ. Do đó, việc xét xử vắng mặt anh D là bị đơn trong vụ án tại phiên tòa là đúng các quy định của pháp luật.

\* Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Ngọc T và anh Lại Ngọc D kết hôn tháng 8/2016 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh D chung sống tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để tiện cho công việc. Tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không hạnh phúc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Nguyên nhân là do anh D không quan tâm chăm lo cho cuộc sống vợ chồng và chăm sóc con cái, một mình chị phải gánh vác nhiều việc cả về kinh tế và chăm sóc con nhỏ. Anh D thường xuyên chơi lô đề, vay nợ bên ngoài, không có khả năng chi trả. Đến cuối năm 2018 anh D xin nghỉ việc nhà nước, đi làm việc khác nhưng không nói cho chị T biết là làm gì, ở đâu, không ai biết địa chỉ nơi cư trú mới của anh D. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh D đi khỏi địa phương không có lý do, không liên lạc gì về gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình đã làm cho cuộc sống của vợ chồng xa cách không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D, theo thông tin của ông Lại Ngọc D1 bố đẻ anh D cho biết từ khi xin phép gia đình đi làm ăn xa, anh D không liên lạc gì về cho gia đình, không nói làm gì, ở

đâu, cô tình giấu địa chỉ hiện tại; ông D1 và gia đình không có thông tin về địa chỉ cư trú mới của anh D. Từ những nhận định trên, có thể thấy rằng anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình, cụ thể như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”*

Cuộc sống giữa chị T và anh D làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh D.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lại Ngọc Huyền M sinh ngày 08/3/2017 hiện đang ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Do anh D không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không được biết quan điểm, ý kiến của anh D về vấn đề con chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, về điều kiện nuôi dưỡng: Chị T có công việc dài hạn tại Trạm y tế xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập hàng tháng bình quân là 5.100.000 đồng và nơi ở ổn định, đảm bảo được những điều kiện cơ bản để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Mặt khác, do cháu Lại Ngọc Huyền M vẫn còn quá nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi anh D đi khỏi nhà đến nay, cháu Lại Ngọc Huyền M được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D là bố nhưng cũng không đi lại thăm nom chăm sóc con. Để việc ly hôn của chị T và anh D không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu M, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D, anh D vẫn có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, nợ chung nguyên đơn xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81,

82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đinh Ngọc T được ly hôn anh Lại Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Lại Ngọc Huyền M, sinh ngày 08/3/2017 cho chị Đinh Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu My trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị T không yêu cầu. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004062 ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Đinh Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Lại Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trường Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trường Giang**